



yī huì
一 会

time noun · a while, a moment

Example Sentences

Qǐng shāo děng yī huì wǒ mǎ shàng jiù lái.
请 稍 等 一 会，我 马 上 就 来。

Please wait a moment, I'll be right there.

Tā yī huì kū yī huì xiào qíng xù hěn bù wěn dìng.
他 一 会 哭 一 会 笑，情 绪 很 不 稳 定。

He cries one moment and laughs the next, his mood is very unstable.

Trace each character, then write the word on your own.

一	一	一	一																
会	会	会	会	会	会	会	会	会											